TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/DS-ST
Ngày 27 - 9 - 2024
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Vinh, ông Hoàng Năng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Ông Trần Đình Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 64/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2024 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 08 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn**: Ngân hàng Thương mại cổ phần S; Số B N, Phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Phạm Thị Kim N, chức vụ: Chuyên viên KD Thẻ – Chi nhánh Đ Ngân hàng Thương mại cổ phần S. Địa chỉ: A Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Cẩm N1, sinh năm 1991; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 23/5/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim N trình bày:*

Ngày 06/7/2020, bà Nguyễn Thị Cẩm N1 (bị đơn) có ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng

(bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu được gọi chung là Hợp đồng) với nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi suất: 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 55.912.175 đồng và lãi phát sinh là 41.001.388 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 49.470.176 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 27/9/2024, bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 91.387.844 đồng, trong đó tiền gốc là 40.911.936 đồng, tiền lãi tạm tính là 50.475.908 đồng.

Ngân hàng đã liên tục nhắc nhở, đôn đốc bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bị đơn vẫn không thanh toán khoản vay trên cho Ngân hàng, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ trên sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Mặc dù, Ngân hàng đã yêu cầu bị đơn có trách nhiệm thanh toán, tuy nhiên bị đơn vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 27/9/2024 là 91.387.844 đồng, trong đó tiền gốc là 40.911.936 đồng, tiền lãi tạm tính là 50.475.908 đồng và tiếp tục tính lãi theo hợp đồng nói trên cho đến khi bị đơn trả nợ xong cho Ngân hàng.

** Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N1:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần cho bị đơn biết để đến Tòa án làm việc, tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án làm việc cũng như không có văn bản trình bày ý kiến nên Tòa án không lấy được lời khai của bị đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 40.911.936 đồng theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/7/2020 được ký kết giữa nguyên đơn và

bị đơn, tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Cẩm N1 phải trả số tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/7/2020 nên đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn cư trú tại Thôn A, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý và xét xử vắng mặt tất cả các đương sự là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về nợ gốc: Căn cứ vào Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/7/2020 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với nội dung như sau: Hạn mức sử dụng thẻ: 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân; Lãi suất: 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền là 55.912.175 đồng và lãi phát sinh là 41.001.388 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 49.470.176 đồng. Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Tính đến ngày 27/9/2024, bị đơn còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 91.387.844 đồng, trong đó tiền gốc là 40.911.936 đồng, tiền lãi tạm tính là 50.475.908 đồng. Bị đơn không trả tiền cho Ngân hàng theo đúng thời hạn thỏa thuận là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc.

[3] Về nợ lãi: Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017 quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"*. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận lãi suất giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo đó tính đến ngày 27/9/2024 bị đơn phải trả cho nguyên đơn 50.475.908 đồng tiền lãi là có cơ sở nên cần chấp nhận. Đồng thời, bị đơn còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ dư nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với mức 91.387.844 đồng x 5% = 4.569.000 đồng (đã làm tròn) theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 228, 235, 238, 244, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dung các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

- Buộc bà Nguyễn Thị Cẩm N1 có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền tính đến ngày 27/9/2024 gồm: nợ gốc 40.911.936 đồng, nợ lãi 50.475.908 đồng. Tổng cộng 91.387.844 đồng *(Chín mươi mốt triệu, ba trăm tám mươi bảy nghìn, tám trăm bốn mươi bốn đồng)*

Kể từ ngày 28/9/2024 cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/7/2020 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và các phụ lục điều khoản, điều kiện phát hành, sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Cẩm N1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.569.000 đồng *(Bốn triệu năm trăm sáu mươi chín nghìn đồng)*. Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.423.000 đồng *(Hai triệu bốn trăm hai mươi ba nghìn đồng)* theo biên lai số AA/2023/0006774 ngày 23/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Chi Cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Định